

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST
Ngày 19-01-2021
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Tám.

Ông Võ Thái Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy là thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 381/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 08-9-1989.

Cư trú: ấp T, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1987.

Cư trú: ấp T, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang.

(Chị T, anh Th có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 26-8-2020 của chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị T và anh Th chung sống với nhau, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân thị trấn P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 281 ngày 26-11-2011. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, cụ thể chị T và anh Th thường xuyên cự cãi với nhau, bất đồng quan điểm sống nên tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được và đã ly thân. Chị T yêu cầu ly hôn với anh Th.

Về quan hệ con chung: Chị T và anh Th có được 01 đứa con tên Nguyễn Hữu Lộc, sinh ngày 12-12-2013 theo Giấy khai sinh số 507/2013, Quyền số

03/2013 do Ủy ban nhân dân thị trấn P cấp ngày 23-12-2013, con đang sống cùng với anh Th. Khi ly hôn, chị T tự nguyện đồng ý việc anh Th trực tiếp nuôi con, chị T không cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có.

Theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 11-11-2020 của anh Nguyễn Hữu Th trình bày:

Anh Th thống nhất thời gian chung sống với chị T vào năm 2011, được Ủy ban nhân dân thị trấn P cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Năm 2016, anh Th cùng gia đình ra Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang sinh sống. Đến khoảng tháng 02 năm 2017, mẹ ruột của anh Th bị bệnh nên gia đình khó khăn về kinh tế. Dù vậy, không hiểu vì lý do gì, chị T bỏ đi đến nay. Một mình anh Th chăm sóc dưỡng nuôi con và cho con đi học tại Trường Tiểu học Dương Đông 3. Kể từ đó, anh Th với chị T không còn liên lạc, thăm hỏi nhau, mỗi người sống một nơi, tình cảm vợ chồng phai nhạt, không thể hàn gắn được. Anh Th đồng ý ly hôn với chị T.

Về quan hệ con chung: Anh Th thống nhất có 01 con chung và yêu cầu nuôi con Nguyễn Hữu Lộc, sinh ngày 12-12-2013, đang sống cùng với anh Th và không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Anh Th thống nhất với chị T là không có tài sản chung và nợ chung.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

Bản sao trích lục kết hôn số 1792/TLKH-BS ngày 14-12-2020 của Ủy ban nhân dân thị trấn P.

Bản sao giấy khai sinh số 507/2013, Quyền số 03/2013 ngày 23-12-2013 của Ủy ban nhân dân thị trấn P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Chị T yêu cầu ly hôn với anh Th, do anh Th có địa chỉ cư trú tại ấp T, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị T và anh Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Th đều tự nguyện, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân thị trấn P cấp chứng nhận kết hôn nên hôn nhân hợp pháp được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, chị T cho rằng, quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh Th có mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không

thể hàn gắn được và đã ly thân với nhau. Anh Th cũng thừa nhận việc anh Th với chị T chung sống với nhau có mâu thuẫn, không thể hàn gắn được và anh Th cũng đồng ý ly hôn do hiện tại không còn sống chung với nhau. Mặt khác, Tòa án đã tiến hành phiên hòa giải nhưng anh Th không thể tham gia hòa giải được, với lý do xin vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 54 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, chị T yêu cầu ly hôn với anh Th là có cơ sở chấp nhận.

[4] Hiện anh Th đang trực tiếp nuôi con Nguyễn Hữu Lộc, sinh ngày 12-12-2013, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con về điều kiện sinh hoạt, môi trường sống, được học tập ổn định và được anh Th nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Khi ly hôn, chị T tự nguyện đồng ý việc anh Th trực tiếp nuôi con phù hợp ý chí của các đương sự, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội theo quy định Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Tòa án chấp nhận ý kiến tự nguyện của chị T về việc anh Th trực tiếp nuôi con Nguyễn Hữu Lộc, sinh ngày 12-12-2013. Ngoài ra, anh Th không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Chị T và anh Th thống nhất không có tài sản chung và nợ chung. Vì vậy, Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 288 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đối với bị đơn anh Nguyễn Hữu Th.

Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Th.

Giấy chứng nhận kết hôn số 281, ngày đăng ký 26-11-2011 do Ủy ban nhân dân thị trấn P cấp cho chị T và anh Th không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

Anh Nguyễn Hữu Th trực tiếp nuôi con Nguyễn Hữu Lộc, sinh ngày 12-12-2013. Anh Th không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Chị T không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số TU/2019/0001747 ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Chị T, anh Th vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Ủy ban nhân dân thị trấn P;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tâm Nhân